TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do -Hạnh Phúc**

Bản án số: 133/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 29/7/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

2. Ông Hồ Minh Cường.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2026/TLPT- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2026/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3879/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10996/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Trương Hưng Q, sinh năm 1974

Địa chỉ: 132 Trần Văn Kiểu, Phường 10, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt - có yêu cầu xét xử vắng mặt).

-Bị đơn: Bà Tô Tố T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 132 Trần Văn Kiểu, Phường 10, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt - có yêu cầu xét xử vắng mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1992

Địa chỉ: 618/12 Cách Mạng Tháng Tám, Phường X Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Tô Tố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Trương Hưng Q trình bày:

Ông và bà Tô Tố T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/2000.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ sau khi có đứa con đầu lòng thì phát sinh mâu thuẫn trong kinh tế, sinh hoạt gia đình, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn nên dù ở chung nhà nhưng không còn quan T nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mối quan hệ hôn nhân không thể cứu vãn nên ông Trương Hưng Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tô Tố T.

Về con chung: có 04 người con chung là Tô Kính Nguyên (nam), sinh ngày 18/9/2001 (đã trưởng thành); Trương Hiệp Bình (nữ), sinh ngày 05/11/2010; Trương Hiệp Phổ (nam), sinh ngày 05/11/2010 và Trương Gia Linh (nữ), sinh ngày 28/5/2015. Ông Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bình, trẻ Phổ, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ Linh hiện đang sống cùng bà T, ông Q đồng ý giao trẻ Linh cho bà T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: ông Q yêu cầu chia các tài sản chung sau:

1. Nhà, đất tại số 618/12 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 964320, số vào sổ cấp GCN CS 15294 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2018, cập nhật nội dung thay đổi ngày 01/10/2019.

Tài sản này ông Q yêu cầu chia đôi, ông Q yêu cầu nhận nhà và hoàn lại giá trị tài sản bằng tiền cho bà T trong vòng 03 tháng.

2. Nhà, đất tại số 539 (số cũ 271) Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 119510, số vào sổ cấp GCN CH 00524 do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân cấp ngày 31/3/2010, cập nhật nội dung thay đổi ngày 11/3/2020;

Tài sản này có tổng phần diện tích được công nhận là 504,1m^2, ông Q yêu cầu được nhận phần diện tích phía sau là 288,4m^2 (đính kèm bản vẽ), còn phần mặt tiền là 215,7m^2 giao cho bà T, về phần công trình xây dựng trên đất hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyền sử dụng đất thửa đất số 675, tờ bản đồ số 28 tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 003715, số vào sổ cấp GCN CS 005462 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2017, cập nhật nội dung thay đổi ngày 25/9/2017;

4. Quyền sử dụng đất thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28 tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 875452, số vào sổ cấp GCN CH 01642 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 14/10/2011, cập nhật thay đổi ngày 29/9/2017;

5. Quyền sử dụng đất thửa đất số 821, tờ bản đồ số 28 tại địa chỉ B14/278C Ấp 2, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 414726, số vào sổ cấp GCN CH 005072 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 14/7/2016, cập nhật nội dung thay đổi ngày 29/9/2017

Đối với 3 tài sản này có tổng diện tích là 7500,6m^2, hiện nay đã làm thủ tục tách ra 2 sổ với diện tích 2 sổ là 4000m^2, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 274109 số vào sổ cấp GCN CH 07032 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 23/3/2020 cho thửa đất có diện tích 2000m^2: ông Q đề nghị giao toàn bộ phần đất này cho bà T;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 274110 số vào sổ cấp GCN CH 07031 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 23/3/2020 cho thửa đất có diện tích 2000m^2: ông Q đề nghị giao toàn bộ phần đất này cho bà T;

Ông Q đề nghị nhận phần diện tích còn lại là 7500,6m^2 – 4000m^2 = 3500,6m^2.

Đối với các tài sản theo yêu cầu trước đây là nhà, đất địa chỉ 217A Mai Xuân Thưởng, Phường 6, Quận 6; Hộ kinh doanh Kim Sơn, địa chỉ 132 Trần Văn Kiểu, Phường 10, Quận 6; nhà đất địa chỉ 537 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, đến ngày 16/4/2024 ông Trương Hưng Q đã có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các tài sản trên.

Về nợ chung: Ngày 14/6/2024, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nợ chung với bà Tô Tố T đối với hai khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Quân Đội, do đã tất toán xong các khoản nợ nêu trên (có xác nhận của Ngân hàng) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Tô Tố T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Phước đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2026/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 3 Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hưng Q:

Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Hưng Q được ly hôn bà Tô Tố T.

Về con chung: Giao trẻ Trương Hiệp Bình, sinh ngày 05/11/2010 và trẻ Trương Hiệp Phổ, sinh ngày 05/11/2010 cho ông Trương Hưng Q trực tiếp nuôi dưỡng. Giao trẻ Trương Gia Linh, sinh ngày 28/5/2015 cho bà Tô Tố T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung:

- Giao nhà, đất tại số 618/12 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Trương Hưng Q, ông Q phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà T số tiền 3.672.153.000 đồng tương ứng với phần mà bà T được nhận trong vòng 03 (ba) tháng. Sau khi ông Q thanh toán xong và nhận nhà thì những người đang sống trong căn nhà nêu trên (tính đến thời điểm xét xử) phải bàn giao nhà, cụ thể gồm ông Nguyễn Hữu Phước. Đồng thời, sau khi ông Q thanh toán xong phần giá trị tài sản được nhận của bà Tô Tố T thì được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu đối với căn nhà nói trên, đồng thời phải chấp hành việc quy hoạch đô thị khi Nhà nước có yêu cầu.

Trường hợp các đương sự không đồng ý nhận nhà nói trên thì các bên được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà đất kể trên để phân chia cho ông Q và bà T theo phần được hưởng.

- Ông Q được nhận phần diện tích 288,4m^2 là phần phía sau (theo bản vẽ sơ đồ nhà, đất số hợp đồng 128/QH/2024 do Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng - Đo đạc Quang Huy lập ngày 20/6/2024) trong tổng diện tích của nhà, đất tại số 539 (số cũ 271) Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tô Tố T được nhận phần diện tích còn lại 215,7m^2 là phần trước mặt tiền. Đương sự được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hợp thức hóa quyền sở hữu đối với phần đất mà mình được nhận, đồng thời phải chấp hành việc quy hoạch đô thị khi Nhà nước có yêu cầu.

Đối với công trình xây dựng trên đất, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

- Giao cho bà Tô Tố T thửa đất số 686, tờ bản đồ số 28 (diện tích 2000m^2) được UBND huyện Bình Chánh cấp Giấy chứng nhận số CH 07032 ngày 23/3/2020 và thửa đất số 687, tờ bản đồ số 28 (diện tích 2000m^2) được UBND huyện Bình Chánh cấp giấy chứng nhận số CH 07031 ngày 23/3/2020. Phần diện tích còn lại trong các tài sản yêu cầu (thửa đất 675, thửa đất số 821, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28 tại xã Tân Nhựt) là 3500,6m^2 giao cho ông Trương Hưng Q. Ông Q được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hợp thức hóa quyền sở hữu đối với phần đất mà mình được nhận.

Về công sức đóng góp trong việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung của vợ chồng: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Đình chỉ giải quyết đối với các tài sản nhà, đất địa chỉ 217A Mai Xuân Thưởng, Phường 6, Quận 6; Hộ kinh doanh Kim Sơn, địa chỉ 132 Trần Văn Kiểu, Phường 10, Quận 6; nhà đất địa chỉ 537 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân.

Đình chỉ giải quyết đối với vấn đề nợ chung là khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền nghĩa vụ của cha mẹ với con sau khi ly hôn, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và việc thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 23/4/2026 bị đơn bà Tô Tố T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại về con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo là bà Tô Tố T đồng thời là bị đơn trong vụ án cùng nguyên đơn ông Trương Hưng Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng đã cùng nhau thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án được ghi nhận tại "Văn bản trình bày và cam kết" số công chứng 001732 quyển số 07-SCT/CK, ĐC lập tại Văn phòng công chứng Sài Gòn ngày 18/7/2026, biên bản ghi nhận sự việc ngày 23/7/2026 và cùng yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của hai bên như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: ông Q và bà T đồng ý thuận tình ly hôn;

-Về con chung: ông Q và bà T có 04 người con chung là Tô Kính Nguyên (nam), sinh ngày 18/9/2001 (đã trưởng thành); Trương Hiệp Bình (nữ), sinh ngày 05/11/2010; Trương Hiệp Phổ (nam), sinh ngày 05/11/2010 và Trương Gia Linh (nữ), sinh ngày 28/5/2015. Ông Q và bà T tự thỏa thuận giải quyết về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

-Về tài sản chung: ông Q và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

-Về nợ chung: ông Q bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Án phí: chịu theo quy định pháp luật.

-Ông Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về con chung và tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết đối với các yêu cầu này nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của bà T hợp lệ; Về nội dung kháng cáo: các đương sự yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái

pháp luật và đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Tô Tố T làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về tố tụng, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Phước đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, ông Trương Hưng Q và bà Tô Tố T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/2000 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn ông Trương Hưng Q khởi kiện xin ly hôn với bà Tô Tố T do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, yêu cầu được nuôi hai con chung là Trương Hiệp Bình và Trương Hiệp Phổ, yêu cầu chia tài sản chung và được Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử chấp nhận; bị đơn bà Tô Tố T không đồng ý nên có đơn ngày 23/4/2026 kháng cáo một phần bản án về con chung và tài sản chung.

Tuy nhiên, ngày 23/7/2026, ông Q có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về con chung và tài sản chung vì ông và bà T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo "Văn bản trình bày và cam kết" số công chứng 001732 quyển số 07-SCT/CK, ĐC lập tại Văn phòng công chứng Sài Gòn ngày 18/7/2026, biên bản ghi nhận sự việc ngày 23/7/2026 tại Tòa án, do đó ông Q bà T yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của ông bà như trên.

Xét việc ông Q bà T thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan vắng mặt, do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa một phần án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa. Việc ông Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về con chung và tài sản chung là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên cần đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu đã rút.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn ông Q và bà T cùng chịu, theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 296, Điều 300, Điều 306, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

*Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Tô Tố T về mặt hình thức.

*Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tô Tố T.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 17/2026/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hưng Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Hưng Q và bà Tô Tố T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 04 người con chung là Tô Kính Nguyên (nam), sinh ngày 18/9/2001 (đã trưởng thành); Trương Hiệp Bình (nữ), sinh ngày 05/11/2010; Trương Hiệp Phổ (nam), sinh ngày 05/11/2010 và Trương Gia Linh (nữ), sinh ngày 28/5/2015. Ông Q và bà T tự thỏa thuận về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

-Về nợ chung: không có.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hưng Q về việc tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

3.Về án phí, chi phí tố tụng và thi hành án:

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về chi phí tố tụng: Ông Trương Hưng Q tự nguyện chịu, ông Q đã thực hiện xong

Án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn 300.000 đồng:

+ Ông Trương Hưng Q phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí ông Q đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0010929 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3), Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho ông Q số tiền chênh lệch là 150.000đồng. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Tô Tố T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trương Hưng Q số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0038559 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3), Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng bà Tô Tố T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0026935 ngày 29/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4.Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- VKS, TA, THA khu vực 3;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (T25)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Phương